

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội khóa 14, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ vào quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Dệt May Hoàng Thị Loan;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 do Công ty lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần dệt may Hoàng Thị Loan xin trình bày trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về đánh giá công tác quản lý điều hành của Công ty cổ phần dệt may Hoàng Thị Loan và kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

**A. Hoạt động của Ban kiểm soát.**

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã thực hiện các hoạt động:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị trong việc thực hiện Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành về tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, tình hình thực hiện các dự án đầu tư và tình hình sử dụng vốn của Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính hàng năm. Xem xét báo cáo tài chính năm 2023 đã được soát xét, kiểm toán và phát hành báo cáo tài chính.
- Xem xét việc cân đối vốn, tình hình dự trữ tồn kho, mua nguyên liệu vật liệu; tình hình quản lý chi phí.

**B. Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính của công ty**

**I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023**

Căn cứ vào các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch SXKD năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua, tình hình thực hiện của năm 2023 như sau:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	NQ ĐHĐCĐ KH 2023	Kết quả thực hiện NQ ĐHĐCĐ năm 2023		
				Thực hiện 2023	So sánh KH 2023 (%)	So sánh 2022 (%)
1	Tổng sản lượng sợi quy chuẩn		11.442	8.629	75	93
			9.484	7.117	75	94
		Tấn	1.522	1.008		

	Trong đó: - Sợi đơn nội cọc - Sợi đơn OE - Sợi xe		436	504	66 116	83 106
2	<b>Tổng doanh thu (0 VAT)</b> Trong đó kim ngạch XK	Triệu đồng Triệu USD	972 24,4	780 7,3	80 30	110 68
3	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	Triệu đồng	16	(50)		
4	<b>Thu nhập BQ/người/tháng</b>	1000 đồng	9,8	8,8	90	99

### Nhận xét đánh giá chung:

#### 1. Sản xuất kinh doanh:

Tổng sản lượng sản xuất năm 2023 được 8629 tấn chỉ đạt 75% so với kế hoạch đề ra và chỉ đạt 93% với năm 2022

#### 2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 đạt 780 tỷ đồng tăng 10% so với năm 2022 tuy nhiên chỉ đạt 80% so với kế hoạch đề ra của năm 2023. Trong đó

- + Doanh thu bán hàng hóa: 336 tỷ
- + Doanh thu bán thành phẩm: 438 tỷ
- + Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác: 6 tỷ

Như vậy doanh thu bán thành phẩm chỉ chiếm 56% tổng doanh thu, số lượng còn lại chủ yếu từ các hoạt động mua bán thương mại khác

#### 3. Lợi nhuận.

Năm 2023, công ty lỗ 49,9 tỷ không đạt chỉ tiêu đề ra.

#### 4. Công tác lao động:

- Số lượng lao động biến động giảm do việc làm không được ổn định, đầu năm 445 lao động, cuối năm còn 416 lao động. Công ty đã thực hiện điều chỉnh tiền lương cấp bậc công việc cho công nhân công nghệ (tăng 5% lương cấp bậc công việc), điều chỉnh tăng chế độ thưởng chuyên cần, điều chỉnh tiền lương làm việc vào ban đêm để giữ chân lao động và thu hút lao động mới.
- Mặc dù kết quả SXKD không đạt như mong đợi, phải khống chế số ngày công làm việc trong tháng tuy nhiên Công ty luôn cố gắng cải thiện điều kiện làm việc, các chế độ ngày lễ Công ty vẫn duy trì như hàng năm cho người lao động, thưởng tháng 13 mức 1.3 tháng lương bình quân.
- Thu nhập bình quân người lao động trong năm 2023 là: 8,8 triệu đồng/người/tháng.

## II. Kiểm tra giám sát tình hình tài chính:

### 1. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023:

ĐVT: 1.000.000 đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2023	31/12/2022	SO SÁNH	
			Tuyệt đối	%
		1	3=1-2	4=1/2
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>447.609</b>	<b>436.200</b>	<b>11.409</b>	<b>103%</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>303.661</b>	<b>266.098</b>	<b>37.563</b>	<b>114%</b>
a. Tiền và các khoản tương đương tiền	49.645	24.188	25.457	205%
b. Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.050	15.825	8.225	152%
c. Các khoản phải thu ngắn hạn	57.125	44.985	12.140	127%
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>49.120</i>	<i>42.963</i>	<i>6.157</i>	<i>114%</i>
d. Hàng tồn kho	170.439	176.406	-5.966	97%

e. Tài sản ngắn hạn khác	2.402	4.694	(2.292)	51%
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>143.948</b>	<b>170.102</b>	<b>-26.155</b>	<b>85%</b>
a. Tài sản cố định	140.108	136.742	3.366	102%
b. Đầu tư tài chính dài hạn	200	31.300	-31.100	1%
c. Tài sản dài hạn khác	3.309	2.060	1.250	161%
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>447.609</b>	<b>436.200</b>	<b>11.409</b>	<b>103%</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>393.134</b>	<b>331.934</b>	<b>61.201</b>	<b>118%</b>
a. Nợ ngắn hạn	313.441	259.760	53.681	121%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.448	10.836	7.613	170%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	210.433	142.590	67.843	148%
6. Phải trả ngắn hạn khác	73.370	97.482	-24.111	75%
b. Nợ dài hạn	79.693	72.173	7.520	110%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	60.193	67.358	-7.165	89%
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>54.474</b>	<b>104.266</b>	<b>-49.792</b>	<b>52%</b>
a. Vốn chủ sở hữu	<b>54.474</b>	<b>104.266</b>	<b>-49.792</b>	<b>52%</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	55.000	55.000	0	100%
Thặng dư vốn cổ phần	14.905	14.905	0	100%
Quỹ đầu tư phát triển	28.015	28.015	0	100%
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	6.408	4.026	2.382	159%
- LNST chưa phân phối kỳ này	-49.854	2.321	-52.174	-2.148%

### 1.1. Hàng tồn kho:

DVT: 1.000.000 đồng

NỘI DUNG	31/12/2023	01/01/2023	CHÊNH LỆCH	
			GIÁ TRỊ	%
Nguyên liệu, vật liệu	37.743	44.052	-6.309	86%
Công cụ, dụng cụ	169	207	-38	82%
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.032	4.074	3.958	197%
Thành phẩm	126.522	147.085	-20.564	86%
Hàng hóa	240	240	0	100%
Hàng gửi đi bán	775	775	0	100%
<b>Cộng</b>	<b>173.481</b>	<b>196.435</b>	<b>-22.953</b>	<b>88%</b>

Giá trị hàng tồn kho giảm 196,4 tỷ đồng xuống còn 173,4 tỷ đồng là:

- Thành phẩm giảm 20,6 tỷ đồng so với đầu năm do nhà máy giảm sản lượng sản xuất dẫn đến giảm sản lượng tồn kho.
- Nguyên liệu, vật liệu giảm 6,3 tỷ so với đầu năm do lượng nguyên liệu bông, xơ tồn kho giảm
- Trong năm hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với là 16,9 tỷ đồng do giá bông xơ nguyên liệu thế giới tăng

1.2. Nợ phải trả: Tại ngày 31/12/2023 tăng 61,2 tỷ đồng so với đầu năm chủ yếu do:

- Các khoản Nợ ngắn hạn tăng 53,7 tỷ đồng
- Nợ dài hạn tăng: 7,5 tỷ đồng.

1.3. **Vốn Chủ sở hữu:** giảm 49,8 tỷ đồng là do lỗ của kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

2. **Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023:**

DVT: 1.000.000 đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2022	SO SÁNH	
			Tuyệt đối	%
<i>I</i>	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	780.824	704.033	76.791	111%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	210		210	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	780.614	704.033	76.581	111%
4. Giá vốn hàng bán	773.786	644.136	129.650	120%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.828	59.897	-53.069	11%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.796	4.862	-66	99%
7. Chi phí tài chính	28.559	23.609	4.950	121%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	20.314	14.450	5.864	141%
8. Chi phí bán hàng	14.298	25.663	-11.365	56%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.999	15.389	2.610	117%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-49.231	98	-49.329	
11. Thu nhập khác	40	1.965	-1.925	2%
12. Chi phí khác	662	142	519,80769	466%
13. Lợi nhuận khác	-622	2.823	-3.445	-22%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-49.854	2.926	-52.780	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		600	-600	0%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			0	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	-49.854	2.320	-52.174	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-9064	422		

- Doanh thu năm 2023 tăng 76,9 tỷ so với năm 2022 nguyên nhân:
  - + Doanh thu bán hàng hóa tăng 141,1 tỷ
  - + Doanh thu bán hàng thành phẩm giảm 65,1 tỷ do giá sợi giảm mạnh so với năm 2022
- Giá vốn hàng bán tăng 129,6 tỷ đồng do giá bông xơ tăng biến động bất thường, đồng thời thị trường đầu ra gặp khó, tồn kho cao bắt buộc công ty giảm sản lượng bằng 70 % sản lượng đầy tải kéo theo chi phí cố định trên 1kg thành phẩm tăng cao, đẩy chi phí giá thành trên 1kg thành phẩm tăng
- Chi phí hoạt động tài chính tăng 5,8 tỷ đồng trong đó :
  - + Chi phí lãi vay ngân hàng tăng 5,8 tỷ đồng, do Công ty tăng vay nợ ngắn hạn 67,8 tỷ đồng, giảm vay nợ dài hạn 7,1 tỷ đồng so với đầu năm.
  - + Lỗ chênh lệch tỷ giá tăng 5.8 tỷ đồng.
  - + Dự phòng tổn thất đầu tư 1,1 tỷ đồng đây là phần trích lập dự phòng tổn thất của phần vốn góp vào Công ty cổ phần May Halotexco Nghệ An
  - + Chi phí tài chính khác: 2,7 tỷ đồng chủ yếu là chi phí UPAS các khoản vay mua nguyên liệu.
- Chi phí bán hàng: giảm 11,3 tỷ đồng so với năm 2022 (tương ứng giảm 56%) do sản lượng tiêu thụ của năm 2023 giảm, đồng thời cũng cho thấy Công ty đang tiết giảm các chi phí trong điều kiện khó khăn.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 2,6 tỷ đồng chủ yếu do:
  - + Chi phí lương nhân viên giảm: 658 triệu đồng.
  - + Chi phí quản lý khác tăng: 3,2 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2023: Công ty lỗ 49,8 tỷ đồng do:
  - + Giá vốn hàng bán tăng, tỷ lệ tăng của giá vốn hàng bán tăng nhanh hơn tỷ lệ tăng doanh thu
  - + Chi phí lãi vay tăng do Công ty tăng vay nợ.

### III. Một số chỉ tiêu đánh giá năng lực, hiệu quả của Công ty.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản, Cơ cấu nguồn vốn</b>						
1.1	Cơ cấu tài sản:						
	- Tài sản cố định / Tổng tài sản	%	44%	50%	43%	39%	32%
	- Tài sản lưu động / Tổng tài sản	%	55%	49%	57%	61%	68%
1.2	Cơ cấu nguồn vốn:						
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	91%	94%	70%	76%	88%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	9%	6%	16%	24%	12%
	- Nợ phải trả / Nguồn vốn chủ sở hữu	Lần	9,7	16,95	2,37	3,183515	7,22
<b>2</b>	<b>Khả năng thanh toán:</b>						
	- Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	0,03	0,05	0,21	1,024397	0,97
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,31	0,26	0,65	0,345289	0,43
<b>3</b>	<b>Khả năng sinh lời:</b>						
	- Tỷ suất danh lợi / Tổng doanh thu (ROS)	%	-3%	-4%	7%	0%	-6,4%
	- Tỷ suất sinh lợi / Tổng tài sản (ROA)	%	-8%	-6%	16%	1%	11,1%
	- Tỷ suất sinh lợi / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-89%	-113%	103%	2%	-91,5%
	- Thu nhập cổ phiếu thường (EPS)	đồng	-8.276	-4.925	12.130	422	-9.064
	- Giá trị sổ sách (BV)	tỷ đồng	34.357	16.129	102.419	104.266	54.474
	- Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu (BVPS)	đồng	9.388	4.407	18.622	18.958	9.904
<b>4</b>	<b>Hệ số thanh toán lãi vay</b>	%	<b>-150%</b>	<b>-108%</b>	<b>374%</b>	<b>100%</b>	<b>-72%</b>
<b>5</b>	<b>Hiệu quả hoạt động:</b>						
	- Vòng quay hàng tồn kho		3,85	4,86	7,84	5,716165	4,50
	- Hiệu suất sử dụng TSCĐ		2,15	1,55	2,51	2,053862	2,28
<b>6</b>	<b>Chỉ số DAR (Tổng nợ / Tổng TS)</b>	%	<b>91%</b>	<b>94%</b>	<b>70%</b>	<b>76%</b>	<b>88%</b>

Bảng các chỉ tiêu trên phản ánh tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

- Về cơ cấu tài sản: Tài sản cố định chiếm 32% Tổng tài sản, tài sản lưu động chiếm 68% tổng tài sản.
- Về cơ cấu nguồn vốn: Nợ phải trả chiếm 88% tổng nguồn vốn, trong khi đó Nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 12% và Nợ phải trả gấp 7,2 lần Nguồn vốn chủ sở hữu. năm

2023 công ty gặp khó khăn do thị trường kém, kinh doanh lỗ, công ty phải vay thêm tiền để duy trì hoạt động kinh doanh

- Khả năng thanh toán hiện thời 0,97 phản ánh khả năng thanh toán của Doanh nghiệp bình thường, tuy nhiên việc luân chuyển hàng tồn kho chậm hơn đang là vấn đề có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của DN.
- Khả năng thanh toán nhanh là 0,43 lần, tăng so với năm 2022
- Giá trị sổ sách cho một cổ phiếu (BVPS): 9.904 đồng/CP.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS): -9.064 đồng/CP

**C. Kết quả việc kiểm tra, giám sát năm 2023:**

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc luôn chấp hành Pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết của HĐQT và nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ do HĐQT và ĐHCĐ giao.
- Báo cáo tài chính kiểm toán 2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý kết quả hoạt động kinh doanh, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt nam.

**D. Kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2024**

- Tiếp tục thực hiện việc giám sát hoạt động của HĐQT.
- Kiểm tra hoạt động của cơ quan điều hành.
- Kiểm tra tính xác thực báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Trên đây là một số nội dung trong quá trình kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát, xin báo cáo Đại hội cổ đông. Rất mong sự góp ý chân thành của Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông nhằm giúp chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Kính chúc sức khỏe các Quý vị cổ đông, chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

*Xin chân thành cảm ơn!*



Nguyễn Thành Quyên